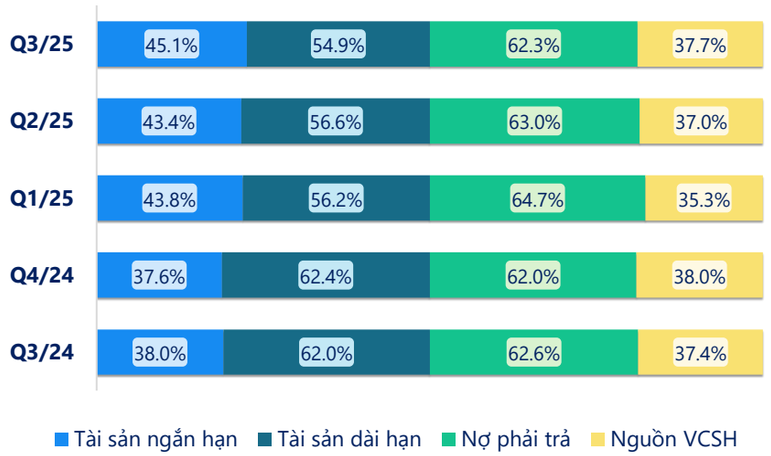
FireAnt

# CTCP SCI (HNX: S99)

| Thông tin giao dịch | 30/09/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 9,800 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 12,000 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 5,646 |
| SL cổ phiếu LH | 104,088,992 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 688,150 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.2% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 1,020 |
| P/E | 18.1 |
| EPS | 542 |

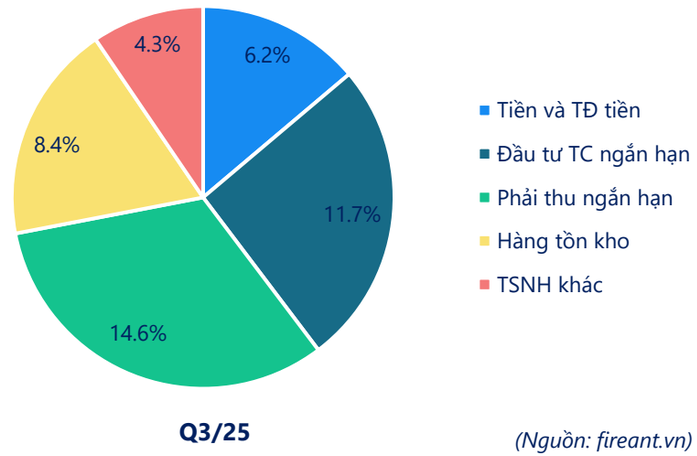
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| S99 | 31.3% | 8.9% | 36.5% | 36.5% |
| VNINDEX | 30.9% | -1.2% | 20.2% | 26.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



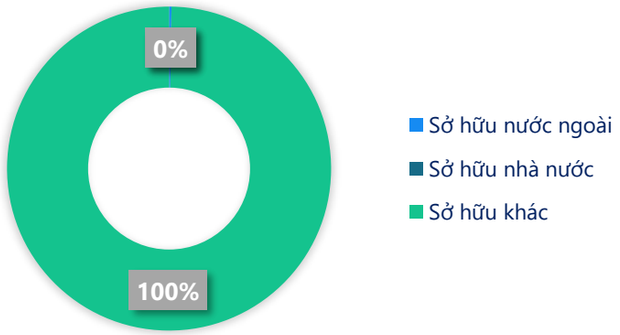

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



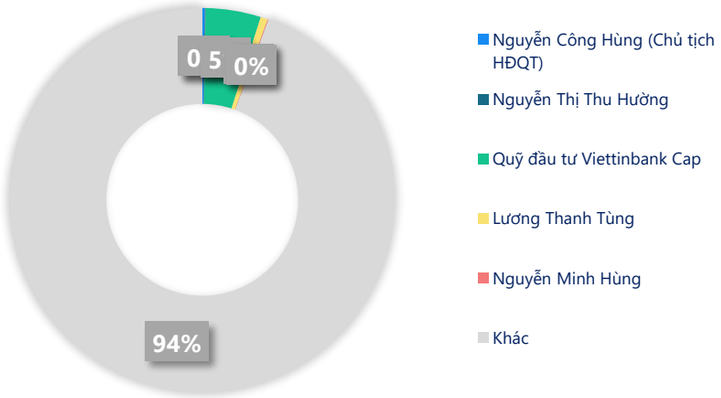

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



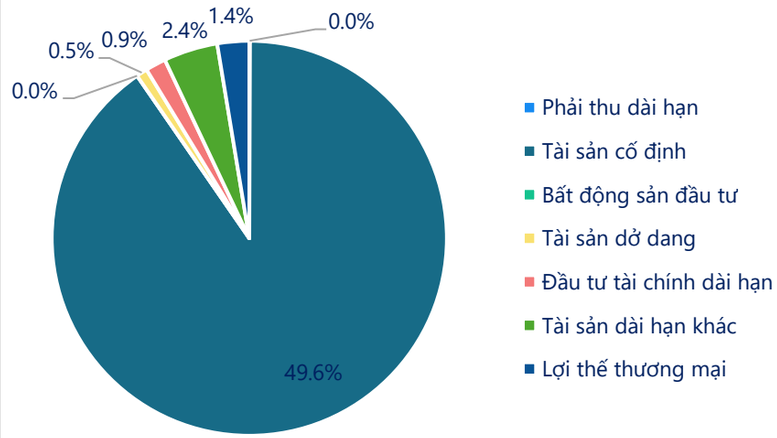

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

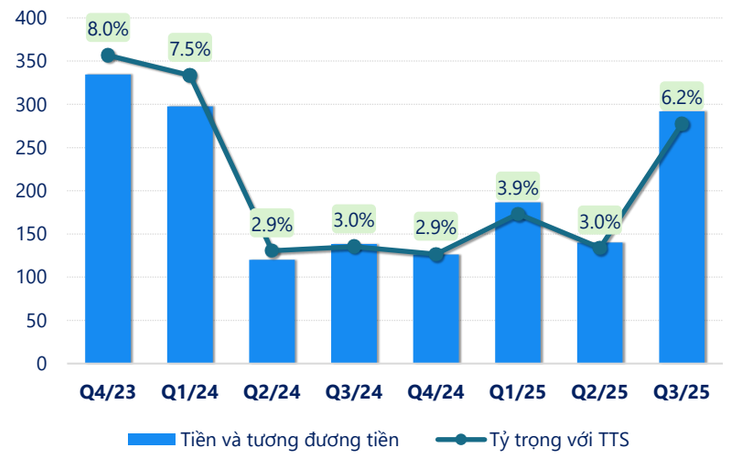



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

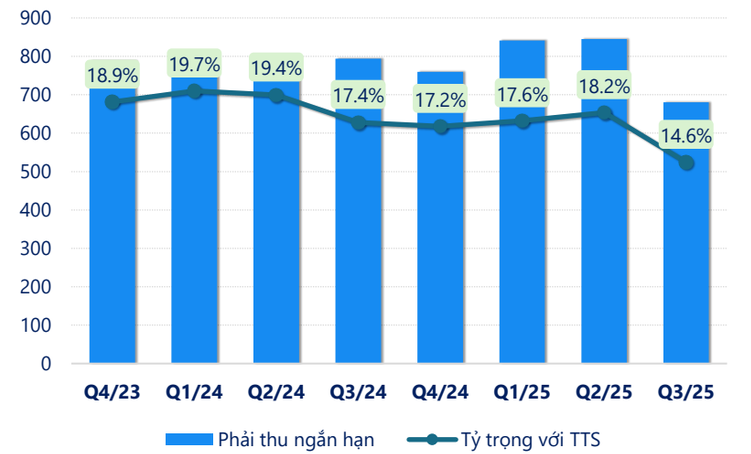
# CTCP SCI (HNX: S99)

## Tiền và tương đương tiền



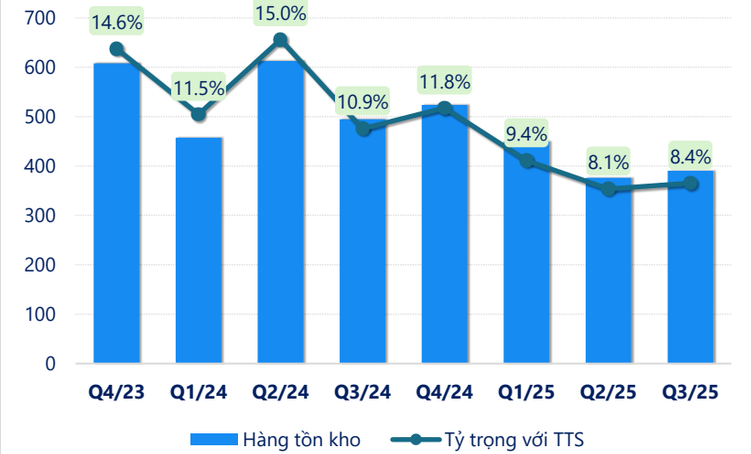

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



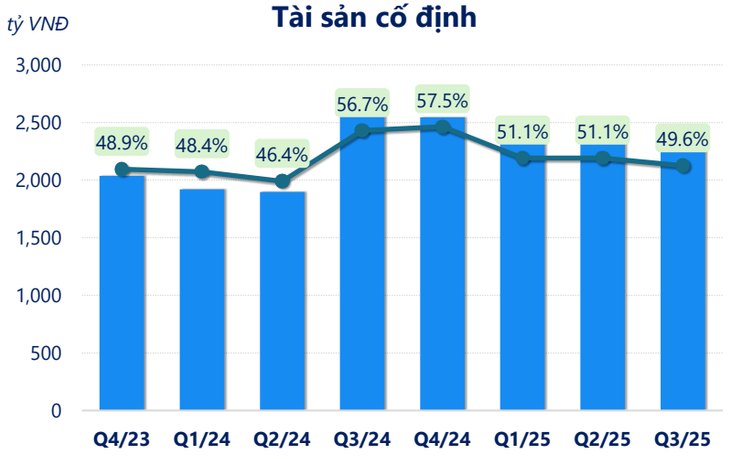

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



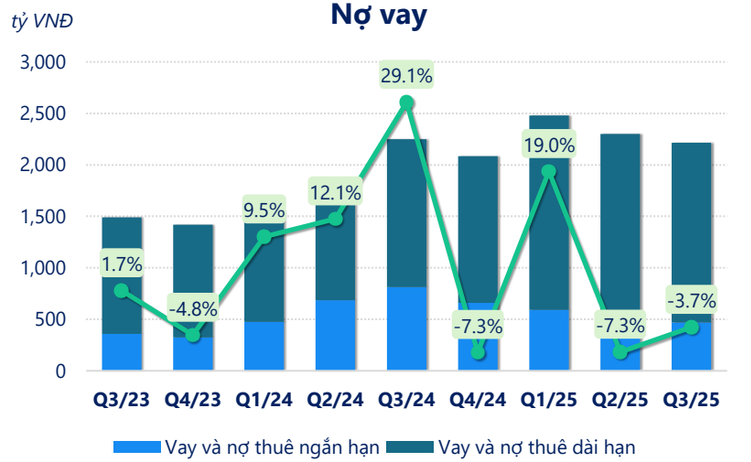

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



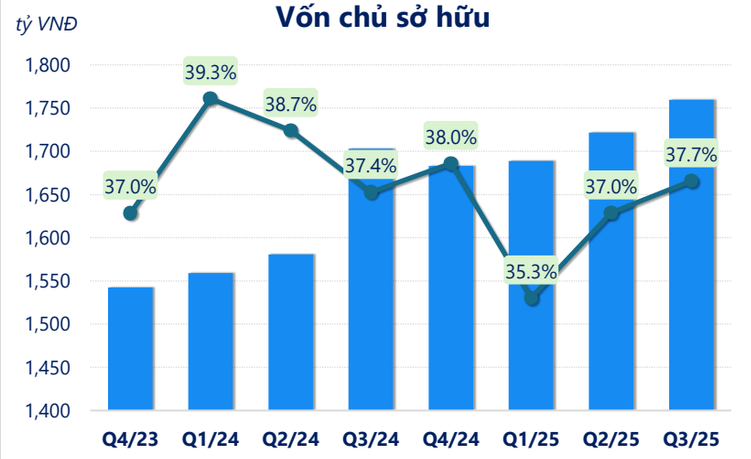

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu



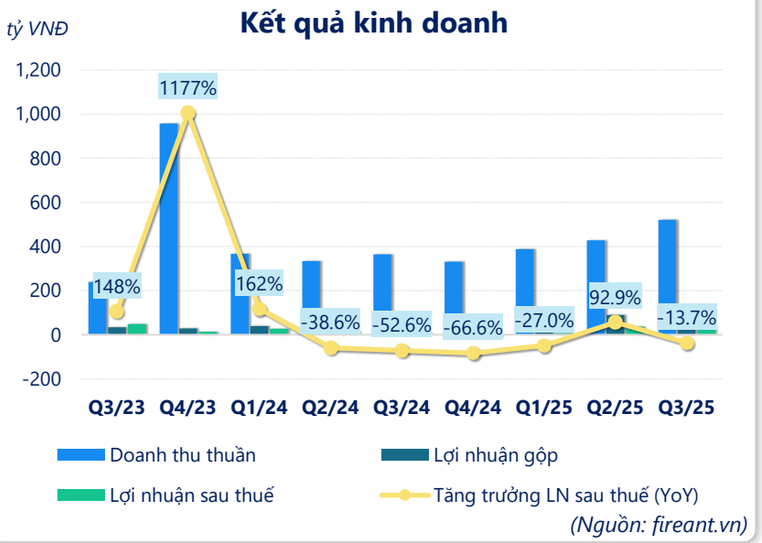

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

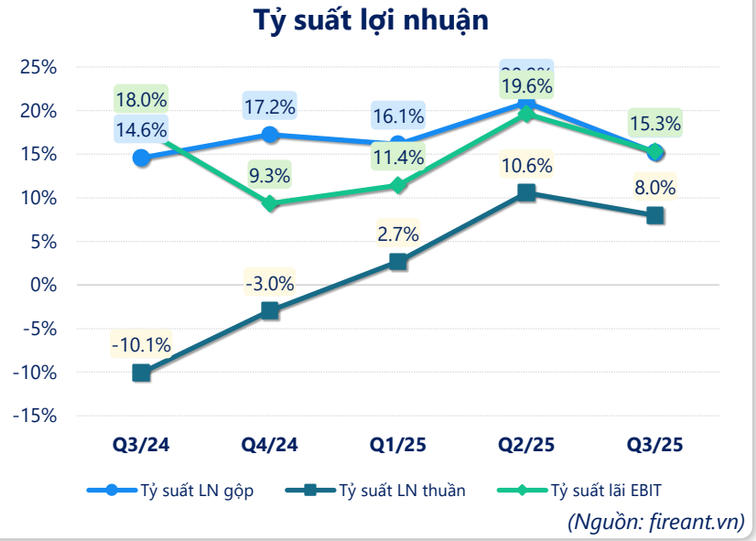
# CTCP SCI (HNX: S99)

## Kết quả kinh doanh



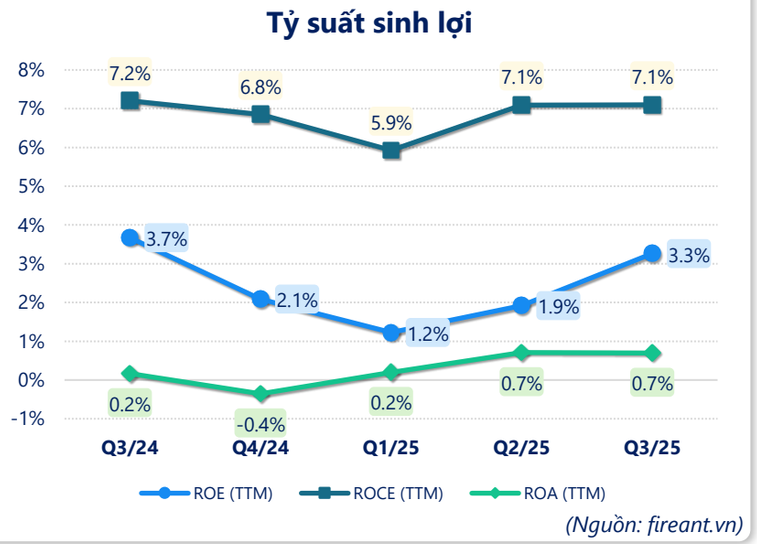

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



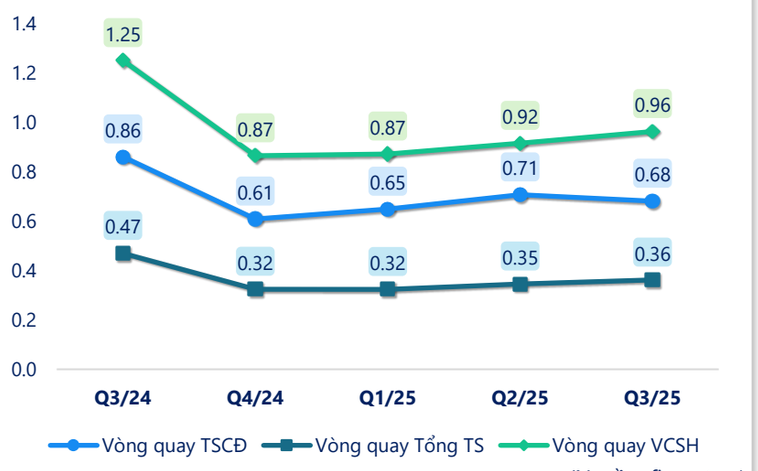

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



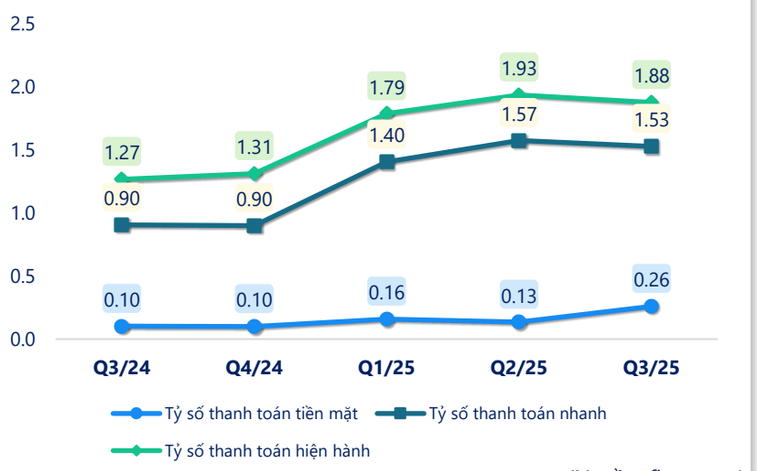

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



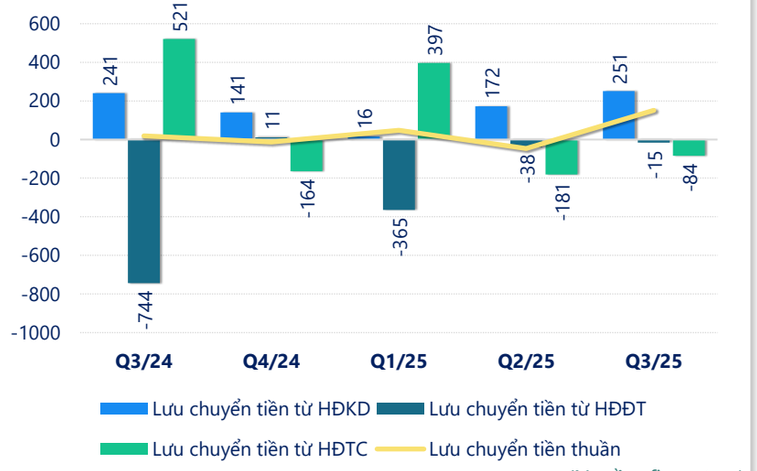

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP SCI (HNX: S99)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 30/9/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **4,673** | **4,402** | **6.2%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 2,108 | 1,634 | 29.0% |
| Tiền và tương đương tiền | 292 | 139 | 110% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 545 | 44.4 | 1128% |
| Phải thu ngắn hạn | 680 | 749 | -9.2% |
| Hàng tồn kho | 390 | 504 | -22.5% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 200 | 197 | 1.8% |
| **Tài sản dài hạn** | **2,565** | **2,768** | **-7.3%** |
| Phải thu dài hạn | 1.49 | 1.46 | 2.0% |
| Tài sản cố định | 2,317 | 2,516 | -7.9% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 23.3 | 9.35 | 150% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 42.9 | 43.0 | -0.3% |
| Tài sản dài hạn khác | **114** | **121** | **-6.1%** |
| Lợi thế thương mại | 66.9 | 76.6 | -12.7% |
| **Nợ phải trả** | 2,913 | 2,721 | 7.1% |
| **Nợ ngắn hạn** | **1,124** | **1,240** | **-9.4%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 470 | 644 | -27.0% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 175 | 183 | -4.5% |
| **Nợ dài hạn** | 1,789 | 1,481 | 20.8% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 1,746 | 1,440 | 21.3% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **1,759** | **1,681** | **4.7%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **1,759** | **1,681** | **4.7%** |
| Vốn điều lệ | 1,041 | 991 | 5.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 364 | 331 | 388 | 428 | 521 |
| Giá vốn hàng bán | 311 | 274 | 325 | 338 | 442 |
| **Lợi nhuận gộp** | 53.1 | 57.1 | 62.6 | 89.5 | 79.2 |
| Doanh thu HĐTC | 6.47 | 7.67 | 6.02 | 28.3 | 26.5 |
| Chi phí TC | 72.4 | 44.3 | 38.2 | 51.1 | 44.2 |
| **Chi phí lãi vay** | 53.6 | 36.6 | 34.4 | 39.7 | 39.5 |
| LN trong công ty LKLD | -0.99 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 23.0 | 30.2 | 20.1 | 21.5 | 19.9 |
| **LN thuần từ HĐKD** | -36.8 | -9.80 | 10.3 | 45.2 | 41.5 |
| Lợi nhuận khác | 48.9 | 4.17 | -0.33 | -0.88 | -1.28 |
| **LN trước thuế** | 12.1 | -5.63 | 9.99 | 44.3 | 40.2 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 10.8 | -9.68 | 7.59 | 35.8 | 36.1 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 7.23 | -15.3 | 8.73 | 31.0 | 32.0 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 | Q3/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 241 | 141 | 15.6 | 172 | 251 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -744 | 11.3 | -365 | -38.0 | -15.2 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 521 | -164 | 397 | -181 | -83.9 |
| Tiền đầu kỳ | 120 | 138 | 139 | 186 | 140 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **18.4** | **-12.3** | **47.2** | **-46.4** | **151** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0.03 | 0 | 0.01 | 0.09 | 0.11 |
| Tiền cuối kỳ | 138 | 126 | 186 | 140 | 292 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic